

# TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐẾN NÔNG DÂN

GS.TS. Vũ Dũng

Viện Tâm lý học.

## TÓM TẮT

*Kết quả khảo sát 1.548 người nông dân tại Hà Nội, Thái Bình, Hòa Bình cho thấy, các chính sách đất đai và phát triển nông thôn được khảo sát đã có tác động lớn đến các hộ nông dân cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân có thêm vốn sản xuất, giúp nông dân xóa đói giảm nghèo, có thêm tiền đầu tư cho con cái học hành. Chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng giúp nông dân có đủ nước để tưới cho cây trồng, tạo điều kiện để thâm canh, tăng vụ, giúp người nông dân chủ động trồng trọt theo đúng thời vụ, giúp cây trồng phát triển, đạt năng suất cao hơn. Chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn giúp nông dân đi lại thuận tiện, dễ dàng trong thôn xóm, giải quyết tình trạng ngập úng, lụi lụi trước đây, làm cho môi trường sống của nông dân sạch sẽ hơn. Các chính sách này đều giúp nông dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước.*

**Từ khóa:** Chính sách; Nông dân; Nông thôn; Tin tưởng; Phát triển sản xuất.

**Ngày nhận bài:** 8/5/2019; **Ngày duyệt đăng bài:** 25/6/2019.

### 1. Đặt vấn đề

Nông dân, nông nghiệp và nông thôn là những vấn đề quan trọng ở nước ta vì nông dân chiếm hơn 70% dân số cả nước. Nông dân, nông nghiệp, nông thôn có vị trí đặc biệt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nó đóng vai trò hàng đầu trong việc bảo đảm an ninh lương thực cho đất nước. Nông thôn cũng là nơi cung cấp nhân lực lao động chính cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, các doanh nghiệp, hoạt động dịch vụ của ngành sản xuất kinh doanh và các khu vực đô thị.

Với vai trò và tầm quan trọng to lớn như vậy, trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Những chính sách này đã thể hiện sự đánh giá cao và

quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước đến khu vực quan trọng này. Các chính sách do Đảng và Nhà nước ban hành đã và đang tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, đến sự phát triển nông nghiệp và đời sống của người nông dân nước ta.

Với vai trò quan trọng của nông dân, nông nghiệp và nông thôn như vậy, nên trong thời gian qua đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề này. Có thể nêu ra một số nghiên cứu sau: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện Nghiên cứu Vì sự phát triển (Pháp) năm 1996 đã tiến hành nghiên cứu hệ thống quan sát lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam. Nghiên cứu này đã chỉ ra vấn đề giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực ở nước ta. Viện Tâm lý học đã thực hiện đề tài cấp Bộ "Những biến đổi tâm lý của cư dân vùng ven đô đã được đô thị hóa" (2006) do Phan Thị Mai Hương làm chủ nhiệm. Đề tài đã phân tích sự thích nghi của cư dân vùng ven đô Yên Mỹ, Yên Sở, Mỹ Đình (Hà Nội) với lối sống đô thị, những biến đổi của họ về nhu cầu, nhận thức, hành vi trong giao tiếp, trong cuộc sống, những thay đổi và thích nghi của họ với nghề nghiệp. Tác giả Lưu Song Hà và các đồng nghiệp thuộc Viện Tâm lý học đã nghiên cứu một số vấn đề tâm lý cũng như khả năng thích ứng của nông dân bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp (2007). Các tác giả đã xem xét sự thích ứng về nhận thức, việc làm, cách khắc phục khó khăn... Trần Thị Minh Đức và các cán bộ Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ, Đại học Quốc gia Hà Nội đã nghiên cứu về phụ nữ ngoại tỉnh lang thang bán hàng rong trên đường phố Hà Nội (2007). Tác giả Lê Duy Phong đã nghiên cứu về tình trạng việc làm của người nông dân bị thu hồi đất và đi đến nhận xét: Người nông dân bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp không chỉ bị ảnh hưởng đến chỗ ở, việc làm mà còn bị ảnh hưởng lớn đến thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của gia đình họ. Theo tác giả Trần Đắc Hiền, việc phát triển các khu công nghiệp ở nông thôn đã dẫn tới những mặt tiêu cực như người nông dân bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội, bị tha hóa về lối sống. Theo kết quả điều tra của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tại 8 tỉnh trong cả nước bị thu hồi đất thì số người không có trình độ chuyên môn là 73,75%, số người có trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp chỉ có 17,01%, số người được học nghề là 3,96%, trình độ khác là 5,28%. Cũng theo kết quả của cuộc điều tra này, có tới 73% số người lao động có đất bị thu hồi chưa được đào tạo dưới bất cứ hình thức nào... Năm 2009, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã thực hiện đề tài cấp Bộ nghiên cứu sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn vào thành phố và vùng lân cận của Hà Nội. Viện Xã hội học đã tiến hành nghiên cứu vấn đề lao động và việc làm ở nông thôn trong khuôn khổ báo cáo thường niên năm 2009. Báo cáo đã phân tích tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta; sự di dân từ nông thôn ra đô thị và theo chiều ngược lại để tìm việc làm;

vấn đề xuất khẩu lao động; chính sách xóa đói giảm nghèo và tình trạng thất nghiệp ở khu vực nông thôn. Năm 2009, Viện Xã hội học tiến hành Dự án điều tra cơ bản “Điều tra nông dân Việt Nam”. Nghiên cứu này đã phân tích vấn đề đất đai, tư liệu sản xuất, lao động và việc làm, thu nhập, chi tiêu, vay nợ của nông dân, vấn đề gia đình, làng xã, an sinh xã hội ở nông thôn v.v. Có thể nói, nông dân, nông nghiệp và nông thôn luôn dành được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu. Song, những nghiên cứu sâu về tác động của các chính sách, trước hết là chính sách đất đai và phát triển nông thôn đối với nông dân nhìn từ góc độ tâm lý học vẫn còn ít. Đây là vấn đề chúng tôi muốn phân tích trong bài viết này.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Tổng số khách thể khảo sát là 1.548 người, trong đó, khảo sát định lượng 1.448 người, phỏng vấn sâu 100 người. Địa bàn khảo sát gồm Hà Nội, Hòa Bình, Thái Bình. Một số đặc điểm của khách thể khảo sát phản ánh qua bảng sau:

*Bảng 1: Đặc điểm cơ bản của khách thể khảo sát*

TT	Đặc điểm của mẫu điều tra		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Giới tính	Nam	628	41,0
		Nữ	920	59,0
2	Tuổi	Dưới 30 tuổi	192	12,4
		Từ 31 - 45 tuổi	488	31,6
		Từ 46 - 59 tuổi	584	37,8
		Từ 60 tuổi trở lên	280	18,1
3	Học vấn	Cấp 1	356	22,9
		Cấp 2	788	50,9
		Cấp 3 trở lên	404	27,8
5	Tỉnh	Hà Nội	516	33,3
		Thái Bình	460	29,7
		Hòa Bình	572	37,0
Tổng số			1.548	100,0

gia đình nông dân, tại sao lại có 6,7% cho rằng, họ không được hưởng chính sách này hay khó trả lời?

Chúng tôi đã đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này. Kết quả điều tra thu được như sau: Đối với những nông dân trả lời không được hưởng chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, có 74,5% là người dân tộc thiểu số, chỉ có 25,5% là người dân tộc Kinh. Như vậy, do khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, hạn chế trong việc tuyên truyền chính sách... mà những người nông dân này biết chưa chính xác về việc thực hiện chính sách này.

### *3.1.2. Đánh giá của nông dân về hiệu quả của việc thực hiện chính sách*

Với câu hỏi mở: “*Xin ông/bà cho biết hiệu quả của sự hỗ trợ này?*”. Kết quả thu được cho thấy, người nông dân đánh giá rất tích cực về hiệu quả của chính sách miễn giảm thuế này đối với họ. Các ý kiến này tập trung vào các vấn đề sau:

#### *\* Về mặt vật chất*

Chính sách này giúp nông dân có vốn để sản xuất, tăng thêm chi phí cho sản xuất, giảm bớt các khoản đóng góp của các gia đình, có tiền để đầu tư cho việc học hành của con cháu, giúp xóa đói giảm nghèo nhiều gia đình... Có thể nói, hiệu quả về vật chất do chính sách mang lại là rất lớn đối với nông dân. Sau đây là các ý kiến cụ thể của nông dân:

- *Giúp nông dân có vốn sản xuất, phát triển kinh tế gia đình:*

“*Có vốn để sản xuất*” (Nam, 37 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội); “*Giảm thuế hoàn toàn giúp dân một phần tiền vốn sản xuất*” (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình); “*Miễn hoàn toàn thuế sử dụng đất nông nghiệp góp phần nâng cao mức sống, tạo điều kiện tái sản xuất trong nông nghiệp*” (Nam, 39 tuổi, học vấn 9/12, Thái Bình); “*Không thu thuế, bà con nông dân không phải bỏ sản xuất, không phải bỏ hoang ruộng*” (Nam, 68 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); “*Miễn giảm thuế đất nông nghiệp 100% làm giảm chi phí đầu tư và tăng thu nhập cho hộ gia đình*” (Nam, 62 tuổi, học vấn 9/10, Thái Bình); “*Giúp kinh tế gia đình phát triển*” (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội); “*Bớt khó khăn ban đầu, không còn lo về vốn giống*” (Nữ, 45 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình); “*Hiệu quả cao, tạo điều kiện làm ăn, bớt chi phí, không phải đầu tư nhiều, người nghèo vươn lên*” (Nữ, 58 tuổi, học vấn 9/10, Hòa Bình); “*Giảm thuế nông nghiệp, giảm bớt chi phí đầu tư để tập trung vào chăm sóc lúa màu*” (Nam, 58 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình)...

- *Tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn cho gia đình:*

“*Đời sống bớt khó khăn*” (Nam, 51 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội); “*Giảm bớt khó khăn, động viên tinh thần*” (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội);

“Nhà nước miễn thuế như vậy, đời sống của nông dân và gia đình tôi đã được nâng lên, cuộc sống đỡ vất vả” (Nam, 72 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình); “Nhà nước miễn giảm thuế nông nghiệp ruộng tư điền giúp gia đình và mọi người bớt khó khăn” (Nam, 45 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); “Giảm đóng góp cho nhân dân, nâng cao đời sống, giảm chi phí sản xuất” (Nữ, 44 tuổi, học vấn 9/12, Hòa Bình); “Nhờ có Nhà nước hỗ trợ nên hiệu quả cho thấy, giảm tỷ lệ hộ nghèo và có bát ăn bát để, kinh tế gia đình khá giả hơn” (Nữ, 42 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình)...

Qua ý kiến của người dân, chúng ta thấy, chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã giúp cho nhiều hộ nông dân, nhất là các hộ nghèo bớt khó khăn, có điều kiện để nâng cao đời sống, giúp cho nhiều hộ giảm nghèo, cuộc sống đỡ vất vả hơn, một số gia đình có tiền để đóng học phí cho con...

*\* Về mặt tinh thần:*

“Nâng cao dần đời sống cả kinh tế và tinh thần” (Nam, 49 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội); “Người dân phấn khởi” (Nữ, 35 tuổi, học vấn 9/10, Hà Nội).

“Giảm bớt khó khăn, động viên tinh thần” (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội); “Giảm thuế nông nghiệp giúp dân phấn khởi và yên tâm sản xuất” (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Thái Bình); “Miễn không thu thuế làm dân phấn khởi lao động sản xuất, tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình” (Nam, 63 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); “Nâng cao đời sống cho nhân dân, kích thích người dân tăng gia sản xuất” (Nữ, 43 tuổi, học vấn 9/12, Hòa Bình); “Rất tốt, giúp người nông dân phấn khởi, lao động phát triển có hiệu quả” (Nữ, 54 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình)...

Chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã giúp nông dân giải quyết một phần khó khăn về kinh tế, từ đó tạo ra sự phấn khởi cho người nông dân. Họ yên tâm sản xuất, từ đó gắn bó hơn với đồng ruộng. Có thể nói, hiệu quả tinh thần mà chính sách này mang lại là rất quan trọng. Người nông dân hiểu được đây là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với họ.

### **3.2. Chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng**

Chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng là một trong nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm giúp đỡ nông dân phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chúng ta sẽ xem việc triển khai chính sách này qua kết quả khảo sát của đề tài.

#### **3.2.1. Đánh giá của nông dân về thực trạng thực hiện chính sách**

Số liệu bảng 3 cho thấy, hầu hết nông dân được hỏi cho rằng, chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng đã được thực hiện tại địa phương của họ. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ cho rằng, chính sách này chưa được thực hiện ở địa phương.

**Bảng 3: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách  
kiến cố hóa kênh mương nội đồng ở địa phương**

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được thực hiện	1.416	91,5
2	Không được thực hiện	132	8,5
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Kết quả của câu hỏi mở cho thấy, theo đánh giá của nông dân về hình thức hỗ trợ của Nhà nước để kiên cố hóa kênh mương (bảng 4) thì cơ bản là hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm (chiếm 52,2%), chỉ có 8% cho là Nhà nước cho nông dân vay vốn để làm. Như vậy, với hình thức này, chúng ta đã phát huy được tinh thần xã hội hóa trong phát triển nông nghiệp và được người dân ủng hộ. Điều đáng nói là, có một tỷ lệ lớn nông dân không rõ được các hình thức hỗ trợ người nông dân để thực hiện chính sách này (chiếm gần 40%). Số liệu này phản ánh một khía cạnh là người nông dân có biết về chính sách, song việc hiểu sâu về triển khai chính sách này là còn hạn chế.

**Bảng 4: Hình thức hỗ trợ nông dân kiên cố hóa kênh mương nội đồng**

TT	Hình thức hỗ trợ	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Nhà nước cho nông dân vay vốn	124	8,0
2	Nhà nước và nông dân cùng làm	808	52,2
3	Không rõ	616	39,8
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Sau đây là một số ý kiến của nông dân: “Nhà nước rót vốn về địa phương để xây dựng kênh mương, giúp giải quyết phần nào khâu tưới tiêu cho sản xuất” (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Hòa Bình); “Nhà nước và dân cùng làm giúp cho nông dân được cung cấp nước đầy đủ không bị lãng phí” (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội); “Nhà nước hỗ trợ vốn để địa phương tự làm mương cấp 2, Nhà nước và nhân dân cùng làm. Và mang lại hiệu quả: hệ thống tưới tiêu đạt hiệu quả cao như tiết kiệm được diện tích tưới tiêu, tiết kiệm nguồn nước, không bị lãng phí khi bơm” (Nam, 62 tuổi, học vấn 9/10, Thái Bình); “Nhà nước và nhân dân cùng làm để đỡ công tát nước, điều tiết nước cho cây lúa đúng thời kỳ sinh trưởng” (Nam, 58 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

### 3.2.2. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng

Qua đánh giá của nông dân (kết quả xử lý câu hỏi mở) chúng ta thấy, hiệu quả của việc thực hiện chính sách này như sau:

- Phục vụ sản xuất của người nông dân

“Nước đến ruộng đầy đủ. Phục vụ tưới tiêu kịp thời hiệu quả. Lúa tương đối tốt” (Nam, 55 tuổi, học vấn 8/10, Hà Nội); “Ruộng cấy 1 vụ thành 2 vụ. Tăng thêm mùa vụ. Tưới tiêu cho ruộng đồng được thắng lợi” (Nữ, 48 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội); “Nhà nước đầu tư hoàn toàn vào việc kiên cố hóa kênh mương, nước được đưa vào đồng ruộng nhanh hơn, đầy đủ hơn làm cho lúa màu đạt năng suất cao hơn, tiết kiệm điện, giảm nhân công điều hành nước” (Nam, 52 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); “Xây dựng, tu sửa lại một số hệ thống kênh nhằm cân bằng tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, tránh úng lụt hay khô hạn. Thuận lợi cho tưới tiêu cây lúa và cây trồng” (Nữ, 35 tuổi, học vấn 12/12, Thái Bình).

“Trước kia không được Nhà nước hỗ trợ thì chúng tôi cày cấy không đảm bảo, nay nhờ có Nhà nước hỗ trợ, nước đã về đến đồng ruộng, làm cho đồng ruộng tiện lợi tưới tiêu, chủ động tổ chức nuôi trồng đúng mùa vụ” (Nam, 53 tuổi, học vấn 9/10, Hòa Bình); “Giúp cho nông dân thuận lợi cho việc dẫn nước vào ruộng, tưới tiêu cho cây trồng. Chúng tôi rất hưởng ứng công việc này bởi vì mang lại hiệu quả lớn cho cây trồng, như ngô, lúa, rau quả” (Nữ, 22 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình); “Cung cấp nước tốt cho bà con sản xuất, nhưng thiết kế nhiều nơi chưa đúng quy cách dẫn nước nên nhiều nơi chưa có nước vào ruộng” (Nữ, 46 tuổi, học vấn 9/12, Hòa Bình)...

“Giảm chi phí cho tưới tiêu ruộng đồng. Giảm được công lao động, không phải đi tát nước. Thuận tiện cho nông dân lấy nước. Giúp tưới tiêu, giảm úng lụt” (Nữ, nông dân, 38 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội); “Đầu tư vào kênh mương, kiên cố hóa kênh mương làm tăng năng suất lao động cho nông nghiệp” (Nam, 68 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình); “Hình thức kênh mương hóa nội đồng, tạo điều kiện cho dân thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, nâng cao đời sống người dân” (Nam, 39 tuổi, học vấn 9/12, Thái Bình); “Nhà nước đầu tư vốn để kiên cố hóa kênh mương, dẫn nước vào ruộng dễ dàng. Hàng năm dân đỡ phải tốn công tốn của để nạo vét mương đất” (Nam, 68 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

Với những ý kiến trên của người nông dân, ta thấy, chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng đã giúp các hộ nông dân có nước sản xuất kịp thời, thường xuyên tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, giảm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất.

*Phát huy tính chủ động của người nông dân, tinh xã hội hóa trong sản xuất nông nghiệp*

*“Nhà nước rút tiền về xã, qua ý kiến bàn bạc của Thường vụ, giao cho Ban quản lý hợp tác xã, nông nghiệp khoán cho nhà xây dựng để làm kênh mương bằng bê tông hoặc xây gạch, giúp đồng ruộng được thuận lợi” (Nam, 72 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội); “Xã bỏ ra kinh phí xây dựng, còn lại trên 60% là dân đóng góp để đảm bảo nước thường xuyên cho cây trồng phát triển tốt, nâng cao năng suất, cải thiện đời sống của dân; đồng thời, làm giảm tác hại của ô nhiễm môi trường, không có dịch bệnh xảy ra trong khu dân cư” (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); “Đầu tư kiên cố hóa kênh mương, tăng diện tích đất canh tác, quản lý thủy lợi tốt hơn, tăng năng suất cây trồng” (Nam, 58 tuổi, học vấn 7/10, Hòa Bình).*

Như vậy, với chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng đã giúp các hộ nông dân chủ động hơn, tích cực hơn tham gia vào việc quản lý nguồn nước, đóng góp kinh phí cùng với Nhà nước phát triển nông nghiệp.

### **3.3. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho nông dân**

Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho nông dân được ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2004. Theo chính sách này thì mức giao đất sản xuất tối thiểu cho mỗi hộ là 0,15ha đất ruộng lúa nước hai vụ. Căn cứ quỹ đất cụ thể của từng địa phương, khả năng lao động, số nhân khẩu của từng hộ và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào ở mức cao hơn.

Đối với đất ở: Mức giao diện tích đất ở tối thiểu là 200m<sup>2</sup> cho mỗi hộ đồng bào sống ở nông thôn.

Về nhà ở: Đối với các hộ đồng bào dân tộc hiện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá tạm bợ và đã hư hỏng, đột nát thì thực hiện phương châm: Nhân dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ và cộng đồng giúp đỡ.

Chúng ta hãy xem việc triển khai chính sách này ở nông thôn và hiệu quả hỗ trợ nông dân của nó.

#### **3.3.1. Đánh giá của nông dân về thực trạng thực hiện chính sách**

Phân tích số liệu bảng 5 cho thấy:

Chỉ có một tỷ lệ nhỏ nông dân được hỏi trả lời họ được hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp, chiếm hơn 1/5 số người được hỏi, đại đa số nông dân được hỏi khẳng định họ không được hỗ trợ đất sản xuất. Kết quả khảo sát cho thấy, những người không được hỗ trợ đất sản xuất là những hộ đã có đất sản xuất và địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ thêm cho các hộ gia đình.



Đối với những nông dân được hỗ trợ đất sản xuất, có 25,2% số người nói rằng, họ được hỗ trợ từ 100m<sup>2</sup> đến 750m<sup>2</sup>, có 41,8% được hỗ trợ từ 1.000m<sup>2</sup> đến 2.000m<sup>2</sup>, còn 33% được hỗ trợ trên 2.000m<sup>2</sup>.

**Bảng 5: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân ở địa phương**

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ đất	328	21,2
2	Không được hỗ trợ đất	1184	76,5
3	Không trả lời	36	2,3
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Về các hình thức hỗ trợ:

Số liệu bảng 6 cho thấy, đa số nông dân được hỗ trợ theo hình thức bổ sung thêm đất sản xuất, sau đó là do lập gia đình riêng, ra ở riêng (chiếm 1/4 số người được hỗ trợ đất). Trong số những gia đình nông dân được hỗ trợ đất sản xuất, các gia đình là dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao hơn so với các gia đình dân tộc Kinh (dân tộc thiểu số: 15,5%; dân tộc Kinh: 8,2%).

**Bảng 6: Các hình thức hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân**

TT	Đánh giá thực trạng hỗ trợ	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Bổ sung thêm đất sản xuất	56,2
2	Do lập gia đình riêng	26,0
3	Hỗ trợ theo dự án	8,2
4	Hỗ trợ theo tái định cư	9,6
	<b>Tổng số</b>	<b>100,0</b>

Về đất ở:

Kết quả điều tra cho thấy, có 10,9% số nông dân được hỏi trả lời rằng, họ được hỗ trợ về đất ở, còn lại gần 90% cho rằng, họ không được hỗ trợ đất ở. Những gia đình không được hỗ trợ đất ở đều thuộc diện đã có đất ở, nhu cầu đất ở không trở nên cấp thiết.

### 3.3.2. Nông dân đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Do tỷ lệ nông dân được hỗ trợ đất sản xuất và đất ở mức thấp nên đa số nông dân được hỏi không đánh giá được hiệu quả tác động của chính sách này đối với họ. Có thể nói, so với các chính sách khác thì chính sách hỗ trợ đất sản xuất chưa ảnh hưởng nhiều đến nông dân (trong những địa bàn đề tài khảo sát).

Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài cho thấy: Chính sách hỗ trợ đất sản xuất và đất ở cho nông dân không tác động nhiều đến nông dân như các chính sách hỗ trợ khác của Đảng và Nhà nước đối với nông dân. Bởi vì, các đối tượng được thụ hưởng chính sách này chiếm tỷ lệ thấp trong số nông dân được khảo sát.

### 3.4. Chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn

Ngày 15 tháng 4 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015.

Đề tài đã khảo sát thực trạng triển khai chính sách này trong việc hỗ trợ nông dân và hiệu quả của nó.

#### 3.4.1. Đánh giá của nông dân về thực trạng thực hiện chính sách

Hầu hết người dân được hỏi đều đánh giá là ở địa phương họ được hỗ trợ để làm đường giao thông nông thôn (chiếm 92,5%). Chỉ có một tỷ lệ nhỏ cho rằng, chính sách này chưa được thực hiện. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết đây là những gia đình nông dân ở khu vực mà đường bê tông được Nhà nước hỗ trợ chưa phủ tới được.

**Bảng 7: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn**

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ làm đường ở địa phương	1.432	92,5
2	Không được hỗ trợ làm đường ở địa phương	108	7,0
3	Không trả lời	8	0,5
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Đối với những nông dân được hỗ trợ đất sản xuất, có 25,2% số người nói rằng, họ được hỗ trợ từ 100m<sup>2</sup> đến 750m<sup>2</sup>, có 41,8% được hỗ trợ từ 1.000m<sup>2</sup> đến 2.000m<sup>2</sup>, còn 33% được hỗ trợ trên 2.000m<sup>2</sup>.

**Bảng 5: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân ở địa phương**

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ đất	328	21,2
2	Không được hỗ trợ đất	1184	76,5
3	Không trả lời	36	2,3
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Về các hình thức hỗ trợ:

Số liệu bảng 6 cho thấy, đa số nông dân được hỗ trợ theo hình thức bổ sung thêm đất sản xuất, sau đó là do lập gia đình riêng, ra ở riêng (chiếm 1/4 số người được hỗ trợ đất). Trong số những gia đình nông dân được hỗ trợ đất sản xuất, các gia đình là dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao hơn so với các gia đình dân tộc Kinh (dân tộc thiểu số: 15,5%; dân tộc Kinh: 8,2%).

**Bảng 6: Các hình thức hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân**

TT	Đánh giá thực trạng hỗ trợ	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Bổ sung thêm đất sản xuất	56,2
2	Do lập gia đình riêng	26,0
3	Hỗ trợ theo dự án	8,2
4	Hỗ trợ theo tái định cư	9,6
	<b>Tổng số</b>	<b>100,0</b>

Về đất ở:

Kết quả điều tra cho thấy, có 10,9% số nông dân được hỏi trả lời rằng, họ được hỗ trợ về đất ở, còn lại gần 90% cho rằng, họ không được hỗ trợ đất ở. Những gia đình không được hỗ trợ đất ở đều thuộc diện đã có đất ở, nhu cầu đất ở không trở nên cấp thiết.

### 3.3.2. Nông dân đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Do tỷ lệ nông dân được hỗ trợ đất sản xuất và đất ở mức thấp nên đa số nông dân được hỏi không đánh giá được hiệu quả tác động của chính sách này đối với họ. Có thể nói, so với các chính sách khác thì chính sách hỗ trợ đất sản xuất chưa ảnh hưởng nhiều đến nông dân (trong những địa bàn đề tài khảo sát).

Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài cho thấy: Chính sách hỗ trợ đất sản xuất và đất ở cho nông dân không tác động nhiều đến nông dân như các chính sách hỗ trợ khác của Đảng và Nhà nước đối với nông dân. Bởi vì, các đối tượng được thụ hưởng chính sách này chiếm tỷ lệ thấp trong số nông dân được khảo sát.

### 3.4. Chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn

Ngày 15 tháng 4 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015.

Đề tài đã khảo sát thực trạng triển khai chính sách này trong việc hỗ trợ nông dân và hiệu quả của nó.

#### 3.4.1. Đánh giá của nông dân về thực trạng thực hiện chính sách

Hầu hết người dân được hỏi đều đánh giá là ở địa phương họ được hỗ trợ để làm đường giao thông nông thôn (chiếm 92,5%). Chỉ có một tỷ lệ nhỏ cho rằng, chính sách này chưa được thực hiện. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết đây là những gia đình nông dân ở khu vực mà đường bê tông được Nhà nước hỗ trợ chưa phủ tới được.

**Bảng 7: Đánh giá của nông dân về triển khai chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn**

TT	Đánh giá thực trạng	Số lượng	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Có được hỗ trợ làm đường ở địa phương	1.432	92,5
2	Không được hỗ trợ làm đường ở địa phương	108	7,0
3	Không trả lời	8	0,5
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Nếu so sánh theo tiêu chí dân tộc ta thấy, tỷ lệ ý kiến của nông dân là người dân tộc Kinh cao hơn tỷ lệ ý kiến của người dân tộc thiểu số (dân tộc Kinh: 55,1%; dân tộc thiểu số: 37,9%). Điều này cho thấy, việc hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn ở khu vực miền xuôi được thực hiện tốt hơn ở khu vực miền núi. Điều này cũng phù hợp với quan sát thực tế của chúng tôi tại các địa điểm khảo sát. Vấn đề này sẽ được lý giải rõ hơn khi chúng ta tìm hiểu về các hình thức hỗ trợ.

**Bảng 8:** Các hình thức hỗ trợ đất sản xuất cho nông dân

TT	Các hình thức hỗ trợ	Số người trả lời	Tỷ lệ ý kiến (%)
1	Nhà nước cho nông dân vay vốn	32	2,1
2	Nhà nước và nông dân cùng làm	984	63,6
3	Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn	16	1,0
4	Khó trả lời	516	33,3
	<b>Tổng số</b>	<b>1.548</b>	<b>100,0</b>

Số liệu điều tra ở bảng 8 cho thấy, đa số nông dân được hỏi cho rằng, hình thức hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn là Nhà nước và nông dân cùng làm (63,6%). Các hình thức Nhà nước cho vay vốn hoặc hỗ trợ hoàn toàn chiếm tỷ lệ không đáng kể. Với hình thức Nhà nước và nông dân cùng làm, trong những năm qua, chúng ta đã huy động được sức người và tiền của của nông dân vào việc làm đường giao thông nông thôn, giúp nông dân đi lại thuận tiện hơn, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tính đến cuối năm 2005, có 32,9% số xã có đường liên thôn được bê tông hoặc nhựa hóa, có 3,1% số xã có đường thôn xóm rải nhựa hoặc bê tông hóa (Nguyễn Đình Long, 2011).

Do Nhà nước và nông dân cùng làm đường giao thông nông thôn nên khu vực miền xuôi có điều kiện thuận lợi hơn khu vực miền núi. Vì nông dân ở miền xuôi có khả năng kinh tế, khả năng đóng góp tốt hơn nông dân ở miền núi; cụ thể là nông dân các dân tộc thiểu số. Mặt khác, ở miền núi do địa bàn dân cư sinh sống rộng, địa hình đường xá khó khăn nên việc bê tông hóa hay rải nhựa đường liên thôn, liên xã gặp nhiều khó khăn hơn so với các xã ở miền xuôi.

#### 3.4.2. Nông dân đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chính sách

Kết quả điều tra câu hỏi mở và phỏng vấn sâu đã giúp chúng tôi biết được hiệu quả của chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn qua đánh giá của nông dân như sau:

*“Đi lại thuận tiện, sạch sẽ, không bị tai nạn, va vấp. Đường giao thông đi lại dễ dàng và thôn xóm sạch sẽ, phong quang”* (Nữ, dân tộc Kinh, 45 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

*“Nhà nước góp vốn cùng nông dân xây dựng đường để đi lại cho đỡ vất vả, làm cho đường làng, ngõ xóm sạch đẹp hơn, giao thông thuận tiện”* (Nam, 40 tuổi, học vấn 7/10, Thái Bình); *“Nhà nước cung cấp tiền cùng với nông dân làm đường, chúng tôi đã có con đường liên thôn rất thuận tiện mà bao lâu nay hằng mơ ước”* (Nam, 54 tuổi, học vấn 8/10, Thái Bình); *“Làm mới hoặc tu sửa lại một số đoạn đường giao thông liên xã, liên thôn giúp cho việc đi lại của mọi người được thuận tiện”* (Nữ, 35 tuổi, học vấn 12/12, Thái Bình); *“Đầu tư vốn làm đường bê tông đi lại trong thôn xóm, giao thông thuận lợi, sản xuất phát triển, văn hóa làng xã có nhiều khởi sắc”* (Nam, 68 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình).

*“Đạt hiệu quả tốt cho an toàn giao thông nông thôn. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ đường làng, ngõ xóm, đường nông thôn sạch đẹp”* (Nam, 33 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình); *“Đi lại, chở vật liệu xây dựng và thóc lúa về làng thuận tiện. Đường sạch sẽ, đi lại không bị bùn lầy, vận chuyển hàng dễ dàng”* (Nữ, 56 tuổi, Hòa Bình); *“Giao thông nông thôn thuận tiện. Đảm bảo an sinh xã hội, đời sống phát triển giao thông thuận lợi, nâng cao hiệu quả kinh tế”* (Nam, 35 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình); *“Làm cho môi trường làng xóm sạch đẹp, đường đi không lầy lội và tạo điều kiện phát triển kinh tế. Tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho bà con”* (Nam, 45 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình).

*Về hình thức thực hiện chính sách: “Đường làng được hỗ trợ 40% để làm đường, làng xóm trở nên quang đãng hơn, cuộc sống thanh bình, đồng thời làm giảm tác hại của ô nhiễm môi trường không có dịch bệnh xảy ra trong khu dân cư”* (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Thái Bình); *“Nhà nước và nhân dân cùng làm, làm cho việc đi lại trong xã dễ dàng, thuận lợi, nhanh chóng và an toàn, cảnh quan nông thôn ngày càng sạch đẹp”* (Nam, 62 tuổi, học vấn 9/10, Thái Bình); *“Nhân dân không phải chi phí tiền nhiều, có đường liên thôn, liên xã đẹp. Người dân có đường giao thông đi lại, giao lưu thuận lợi về mọi mặt”* (Nữ, 42 tuổi, học vấn 12/12, Hòa Bình).

*“Hỗ trợ tiền đổ bê tông đường làng ngõ xóm. Nhà nước hỗ trợ cát sỏi xi măng, dân đóng góp tiền và sức”* (Nam, 55 tuổi, học vấn 10/10, Hà Nội); *“Đi lại thuận tiện, sạch sẽ, không bị tai nạn, va vấp. Đường giao thông đi lại dễ dàng và thôn xóm sạch sẽ, phong quang”* (Nữ, dân tộc Kinh, 45 tuổi, học vấn 7/10, Hà Nội).

#### 4. Kết luận

Có thể nói, các chính sách được khảo sát đã có tác động lớn đến các hộ nông dân về mặt vật chất lẫn tinh thần. Cụ thể là:

*Về chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân và tác động của nó đến nông dân.* Về mặt vật chất: Chính sách giúp nông dân có vốn để sản xuất, tăng thêm chi phí cho sản xuất, nhất là các hộ nông dân nghèo, qua đó giúp nông dân không bỏ ruộng, bỏ sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất, giảm bớt các khoản đóng góp của các gia đình. Chính sách cũng giúp nông dân có tiền để đầu tư cho việc học hành của con cháu, giúp cho việc xóa đói giảm nghèo của nhiều gia đình... Về mặt tinh thần: chính sách đã giúp nông dân giải quyết một phần khó khăn về kinh tế, từ đó tạo ra sự phấn khởi cho người nông dân khiến họ yên tâm với sản xuất, gắn bó hơn với đồng ruộng. Có thể nói, hiệu quả về vật chất và tinh thần mà chính sách này mang lại là rất lớn và quan trọng. Người nông dân hiểu được đây là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với họ.

*Về chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng:* Chính sách giúp nông dân có đủ nước để tưới cho cây trồng. Tạo điều kiện để thâm canh, tăng vụ. Người nông dân chủ động trồng trọt theo đúng thời vụ. Đảm bảo nước tưới tiêu cho cây trồng kịp thời, giúp cây trồng phát triển, đạt năng suất cao hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn. Giúp nông dân tăng diện tích đất canh tác, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm nhân công nạo vét kênh mương hằng năm, tạo ra tâm trạng phấn khởi ở nông dân.

*Về chính sách hỗ trợ nông dân làm đường giao thông nông thôn:* Hiệu quả tích cực của chính sách này thể hiện ở các khía cạnh sau: Giúp nông dân đi lại thuận tiện, dễ dàng trong thôn xóm, giải quyết tình trạng ngập úng, lụt lội trước đây. Làm cho môi trường sống của nông dân sạch sẽ hơn, quang đãng hơn, đẹp hơn, giảm bớt ô nhiễm và đảm bảo vệ sinh nông thôn tốt hơn. Làm cho bộ mặt nông thôn đẹp hơn. Giao thông thuận lợi đã giúp nông dân phát triển sản xuất: vận chuyển vật tư, sản phẩm, trao đổi hàng hóa... tốt hơn trước đây. Tạo ra ở nông dân tâm trạng phấn khởi, yên tâm sản xuất, gắn bó hơn đối với quê hương, làng xóm của mình. Phát huy được tinh thần chủ động của các hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

#### Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng (chủ nhiệm đề tài, 2012). Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ: *Cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân yếu thế trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường của nông thôn Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.

2. Trần Thị Minh Đức (chủ nhiệm đề tài, 2006). Báo cáo tổng kết đề tài: *Phụ nữ ngoại tình lang thang bán hàng rong trên đường phố Hà Nội*. Hà Nội.
3. Lưu Song Hà (chủ nhiệm đề tài, 2007). Báo cáo tổng kết đề tài: *Một số vấn đề tâm lý của người nông dân bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hoa (chủ nhiệm đề tài, 2010). Báo cáo tổng kết đề tài: *Một số đặc điểm cơ bản của giai cấp nông dân Việt Nam*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.
5. Phan Thị Mai Hương (chủ nhiệm đề tài, 2014). Báo cáo tổng kết đề tài: *Nghiên cứu nỗ lực sống để làm giàu thoát nghèo của người nông dân hiện nay*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.
6. Phan Thị Mai Hương (chủ nhiệm đề tài, 2000). Báo cáo tổng kết đề tài: *Những biến đổi cơ bản về mặt tâm lý của cư dân vùng ven đô đã được đô thị hóa*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Lan (chủ nhiệm đề tài, 2008). Báo cáo tổng kết đề tài: *Một số vấn đề tâm lý cơ bản của nông dân nghèo vùng miền núi phía Bắc*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.
8. Lã Thị Thu Thủy (chủ nhiệm đề tài, 2014). Báo cáo tổng kết đề tài: *Nghiên cứu sự biến đổi của cư dân vùng chuyển đổi từ xã thành phường*. Viện Tâm lý học chủ trì. Hà Nội.